



Phiếu học tập

Mã : 4.1001

Họ và tên:

Lớp:

PHẦN TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số “ bốn mươi nghìn không trăm linh chín” viết là:

- A. 40900 B. 40 009 C. 40090 D. 49000

Câu 2. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm của $56 \text{ m}^2 13 \text{ cm}^2 = \dots \text{ cm}^2$ là:

- A. 5613 B. 56013 cm^2 C. 560013 D. 560013 cm^2

Câu 3. Diện tích của một căn phòng là:

- A. 25 m B. 25 cm^2 C. 25 dm^2 D. 25 m^2

Câu 4: Số gồm 5 trăm nghìn, 7 trăm và 3 đơn vị viết là:

- A. 500 703 B. 500 730 C. 500370 D. 507003

Câu 5: Diện tích của hình vuông có chu vi bằng 32 dm là:

- A. 64 cm^2 B. 32 dm^2 C. 64 dm^2 D. 32 cm^2

Câu 6. Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài là 150 m, chiều rộng là 100 m. Diện tích của khu đất đó là:

- A. 15000 m B. 1500 m^2 C. 150 m D. 15000 m^2

Câu 7. 180 giây = phút :

- A. 18 B. 3 C. 30 D. 2

Câu 8. Từ năm 2023 đến năm 2100 là thế kỉ thứ :

- A. XX B. XXI C. XXII D. XIX

Câu 9: Giá trị của biểu thức $2629 \times 3 - 2526$ là:

Trả lời:.....

Câu 10: Giá trị của biểu thức $1575 + 1740 : 2 - 1255$ là:

Trả lời:.....

Trên con đường thành công không có dấu chân của người lười biếng!

PHẦN TỰ LUẬN

Bài 1: Để lát nền một căn phòng, người ta đã sử dụng hết 200 viên gạch hình vuông có cạnh 30cm. Hỏi căn phòng đó có diện tích bao nhiêu mét vuông, biết diện tích phần mạch vữa không đáng kể?

Bài giải

.....

$$\boxed{} \bigcirc \boxed{} = \boxed{} \text{ (cm}^2\text{)}$$

.....

$$\boxed{} \bigcirc \boxed{} = \boxed{} \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đổi..... cm² = m²

Đáp số:..... m²

Trên con đường thành công không có dấu chân của người lười biếng!